

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 – 2
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3 – 4
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	5 – 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	9 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, tên cũ là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn).

Các đơn vị thành viên

Tên	Mối quan hệ	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Khu đô thị Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam	Chi nhánh	96/108 đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Sông Đáy – Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết	Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này như sau:

Hội đồng Quản trị:

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Bình	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Cẩm Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Vinh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Hoài Thu	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2016
THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Tổng Giám đốc

LÊ HOÀNG ANH

Số : /BCKT – TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016
của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Liên quan đến khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc, Công ty đang nỗ lực liên hệ với Ông Nguyễn Tất Lạc để xử lý quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng chuyển nhượng. Để thận trọng, Công ty phân bổ 50% khoản thanh toán nói trên vào chi phí kinh doanh trong năm 2015. Trong 6 tháng đầu năm 2016 Công ty chưa thực hiện phân bổ khoản chi phí trên vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Kiên

Số giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán: 1129-2014-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		336.549.972.765	500.074.300.396
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	61.098.826.694	156.564.748.550
1	Tiền	111		61.098.826.694	139.564.748.550
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	17.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.293.997.654	211.918.247.218
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	91.309.100.842	180.012.014.328
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.673.308.159	8.789.155.472
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	83.337.144.553	84.142.633.318
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.03	(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
IV	Hàng tồn kho	140		143.380.032.852	129.024.420.189
1	Hàng tồn kho	141	V.04	143.380.032.852	129.024.420.189
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.777.115.565	2.566.884.439
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.1	52.777.345	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		875.575.868	-
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.06	3.848.762.352	2.566.884.439
B	Tài sản dài hạn	200		266.893.080.174	244.526.567.061
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		15.012.540.390	16.704.646.193
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	15.012.540.390	16.704.646.193
	- Nguyên giá	222		26.959.379.558	26.959.379.558
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.946.839.168)	(10.254.733.365)
III	Bất động sản đầu tư	230	V.08	2.919.092.000	2.919.092.000
	- Nguyên giá	231		2.919.092.000	2.919.092.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		3.058.077.863	2.925.525.563
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	3.058.077.863	2.925.525.563
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	206.612.475.612	182.564.475.612
1	Đầu tư vào công ty con	251		177.833.100.000	153.785.100.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		26.300.000.000	26.300.000.000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.200.500.000	6.200.500.000
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.721.124.388)	(3.721.124.388)
VI	Tài sản dài hạn khác	260		39.290.894.309	39.412.827.693
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.2	39.290.894.309	39.412.827.693
	Tổng cộng tài sản	270		603.443.052.939	744.600.867.457

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A	Nợ phải trả	300		327.540.716.156	469.221.002.810
I	Nợ ngắn hạn	310		324.168.441.156	465.249.677.810
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	170.177.706.456	271.898.165.253
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		103.598.596.527	118.302.383.394
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	21.601.818	3.419.872.470
4	Phải trả người lao động	314		75.780.457	-
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.634.280.235	18.230.322.866
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	2.023.107.459	1.516.679.551
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.1	43.756.951.196	49.934.737.268
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.880.417.008	1.947.517.008
II	Nợ dài hạn	330		3.372.275.000	3.971.325.000
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.2	3.372.275.000	3.971.325.000
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		275.902.336.783	275.379.864.647
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	275.902.336.783	275.379.864.647
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(21.093.873.408)	(21.089.302.618)
4	Quỹ đầu tư phát triển	418		23.897.888.303	23.897.888.303
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.232.251.900
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.169.295.488	8.642.252.562
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.642.252.562	5.550.000.000
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		527.042.926	3.092.252.562
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	Tổng cộng nguồn vốn	440		603.443.052.939	744.600.867.457

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HOA VINH

Kế toán trưởng



LÊ HOÀI THU

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2016

Lê Hoàng Anh Giám đốc



LÊ HOÀNG ANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	198.631.308.845	247.371.244.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		198.631.308.845	247.371.244.591
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	184.237.897.476	232.301.399.183
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.393.411.369	15.069.845.408
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.326.597.593	1.998.668.489
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	773.167.535	2.686.015.152
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		773.167.535	2.686.015.152
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		14.419.798.501	11.436.179.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}	30		527.042.926	2.946.318.933
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		527.042.926	2.946.318.933
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(4.121.548)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		527.042.926	2.950.440.481
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HOA VINH

Kế toán trưởng

LÊ HOÀI THU

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2016

Lê Hoàng Anh



LÊ HOÀNG ANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	527.042.926	2.946.318.933
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	1.692.105.803	1.993.852.374
- Các khoản dự phòng	3	-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(1.326.597.593)	(1.013.777.385)
- Chi phí lãi vay	6	773.167.535	2.686.015.152
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	1.665.718.671	6.612.409.074
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	82.466.795.783	(32.083.882.103)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.355.612.663)	(75.121.032.919)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(134.840.921.372)	221.990.655.019
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	69.156.039	301.535.193
- Tiền lãi vay đã trả	14	(773.167.535)	(2.686.015.152)
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17	(67.100.000)	(1.516.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(65.835.131.077)	117.497.069.112
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(132.552.300)	(7.768.910.660)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(24.048.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.326.597.593	1.013.777.385
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.853.954.707)	(6.755.133.275)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	90.009.237.939	163.310.291.382
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(96.786.074.011)	(146.823.837.332)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.776.836.072)	16.486.454.050
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	(95.465.921.856)	127.228.389.887
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	156.564.748.550	68.199.673.928
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	61.098.826.694	195.428.063.815

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HOA VINH

Kế toán trưởng



LÊ HOÀI THU



LÊ HOÀNG ANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, tên cũ là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn).

Các hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:

- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;

- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi và thi công cơ giới các công trình của công ty thông thường là trên 12 tháng.

Các chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính của các quý trước, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến đoạn trình bày dưới đây.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 30/06/2016, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được ước tính như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập Báo cáo tài chính.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

11. Phân phối lợi nhuận (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

12. Ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành theo khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu giữa 2 bên.

Thu nhập từ hoạt động tài chính

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng:

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

14. Ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các năm sau.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên cơ sở chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt	84.389.524	123.181.032
Tiền gửi ngân hàng	61.014.437.170	139.441.567.518
Các khoản tương đương tiền	-	17.000.000.000
-Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	-	17.000.000.000
Cộng	61.098.826.694	156.564.748.550

2 Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	88.521.929.467	175.438.937.658
Bệnh viện răng hàm mặt TPHCM	-	7.402.501.100
Ngân hàng TPCP Công thương TP.HCM - Phần ngân	2.097.066.097	2.097.066.097
Bệnh viện Chợ Rẫy - TTâm Ung Bướu	18.790.482.592	57.080.299.795
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai Phần thân	2.083.008.953	13.357.655.000
Trường ĐH công nghệ thông tin	4.931.376.257	6.673.476.939
Viện sốt rét côn trùng Quy Nhơn	4.934.682.000	4.934.682.000
Bệnh viện K Cơ sở Tân Triều	4.549.746.085	4.549.746.085
Bệnh viện K - Sân đường. điện nước ngoài nhà	1.170.285.000	1.170.285.000
CT9 Văn Phú Phần xây trát	5.271.491.950	5.271.491.950
Trường ĐH Y tế công cộng	-	3.572.000.000
Kè suối Săn Máu	8.099.394.470	1.874.385.000
Bệnh viện châm cứu TW	-	14.129.067.000
VCB Tây Ninh	3.042.189.086	3.042.189.086
Trụ sở chính Ngân hàng CT VN	13.228.781.986	31.272.887.713
Đối tượng khác	20.323.424.991	19.011.204.893
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</i>	2.787.171.375	4.573.076.670
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	2.787.171.375	4.573.076.670
Cộng	91.309.100.842	180.012.014.328

3. Phải thu khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn	83.337.144.553	61.025.555.900	84.142.633.318	61.025.555.900
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.917.187.748	-	6.629.057.652	-
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty TNHH Phong Thịnh (ii)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
Phải thu khác	2.610.310.915	-	1.703.929.776	-
	83.337.144.553	61.025.555.900	84.142.633.318	61.025.555.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

- (i) Bao gồm Gốc vay và lãi vay Công ty cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 và lãi vay. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và lãi vay là 6.025.555.900 VND.
- (ii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nội quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).
- (iii) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC - PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

4 Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	143.380.032.852	-	129.024.420.189	-
Cộng	143.380.032.852	-	129.024.420.189	-

5 Chi phí trả trước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
5.1 Ngắn hạn	52.777.345	-
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	52.777.345	-
5.2 Dài hạn	39.290.894.309	39.412.827.693
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	779.644.309	901.577.693
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	38.511.250.000	38.511.250.000
Cộng	39.343.671.654	39.412.827.693

(*) Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23 tháng 06 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 2 năm (năm 2015 và năm 2016). Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 số tiền 38.511.250.000 đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2016 Công ty chưa thực hiện phân bổ khoản chi phí này vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
- Thuế GTGT	-	-	1.281.877.913	1.281.877.913
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.566.884.439	-	-	2.566.884.439
	2.566.884.439	-	1.281.877.913	3.848.762.352

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	788.142.094	19.028.794.468	6.778.122.247	364.320.749	26.959.379.558
Số dư cuối kỳ	788.142.094	19.028.794.468	6.778.122.247	364.320.749	26.959.379.558
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					-
Số dư đầu kỳ	179.892.164	8.563.535.527	1.148.170.698	363.134.976	10.254.733.365
- Khấu hao trong năm	98.839.602	1.140.969.228	451.111.200	1.185.773	1.692.105.803
Số dư cuối kỳ	278.731.766	9.704.504.755	1.599.281.898	364.320.749	11.946.839.168
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI					-
Số dư đầu kỳ	608.249.930	10.465.258.941	5.629.951.549	1.185.773	16.704.646.193
Số dư cuối kỳ	509.410.328	9.324.289.713	5.178.840.349	-	15.012.540.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

8. Tăng giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	2.919.092.000	2.919.092.000
- Tăng khác	-	-
Số dư cuối kỳ	2.919.092.000	2.919.092.000
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		-
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI		-
1. Tại ngày đầu kỳ	2.919.092.000	2.919.092.000
2. Tại ngày cuối kỳ	2.919.092.000	2.919.092.000

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	3.058.077.863	2.925.525.563
Cộng	<u>3.058.077.863</u>	<u>2.925.525.563</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
10.1 Đầu tư vào Công ty con	177.833.100.000	-	177.833.100.000	153.785.100.000	-	153.785.100.000
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	9.060.000.000	-	9.060.000.000	9.060.000.000	-	9.060.000.000
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	165.484.580.000	-	165.484.580.000	141.436.580.000	-	141.436.580.000
Công ty Cổ phần Sản xuất cửa Hoa kỳ	3.288.520.000	-	3.288.520.000	3.288.520.000	-	3.288.520.000
10.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612
Công ty Cổ phần Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612
10.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.200.500.000	-	6.200.500.000	6.200.500.000	-	6.200.500.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	4.200.500.000	-	4.200.500.000	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Công ty CP XNK thủy sản Quảng Ninh	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	210.333.600.000	3.721.124.388	206.612.475.612	186.285.600.000	3.721.124.388	182.564.475.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

11 Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	151.001.121.085	151.001.121.085	243.606.988.828	243.606.988.828
Nguyễn Sơn Cương	11.509.084.618	11.509.084.618	19.790.700.438	19.790.700.438
Phạm Vinh Hiển	5.185.761.888	5.185.761.888	6.135.925.236	6.135.925.236
Nguyễn Phúc Thịnh	4.219.751.690	4.219.751.690	4.219.751.690	4.219.751.690
Nguyễn Anh Học	4.136.259.812	4.136.259.812	4.136.259.812	4.136.259.812
Lê Quốc Tuấn	15.305.474.399	15.305.474.399	15.004.298.326	15.004.298.326
Nguyễn Thăng Long	2.033.750.728	2.033.750.728	2.033.750.728	2.033.750.728
Vũ Hoàng Nam	1.866.794.553	1.866.794.553	2.132.288.446	2.132.288.446
Nguyễn Hồ Vinh	2.903.113.739	2.903.113.739	3.508.510.742	3.508.510.742
Lưu Hoàng Long	6.097.580.640	6.097.580.640	15.589.770.585	15.589.770.585
Lê Văn Hùng	4.553.912.728	4.553.912.728	3.380.240.298	3.380.240.298
Nguyễn Thành Huy	1.480.300.134	1.480.300.134	2.150.462.203	2.150.462.203
Ban Vật Tư (Trương Trung Nghĩa)	32.258.733.254	32.258.733.254	103.019.160.615	103.019.160.615
Nguyễn Hoàng Quý	4.063.755.899	4.063.755.899	7.696.698.842	7.696.698.842
Nguyễn Văn Sơn	3.148.471.063	3.148.471.063	5.254.322.106	5.254.322.106
Phạm Sỹ Tôn	10.168.166.314	10.168.166.314	10.041.637.783	10.041.637.783
Bùi Lâm Tùng	2.182.279.560	2.182.279.560	3.094.320.525	3.094.320.525
Đối tượng khác	39.887.930.066	39.887.930.066	36.418.890.453	36.418.890.453
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	19.176.585.371	19.176.585.371	28.291.176.425	28.291.176.425
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	17.781.550.506	17.781.550.506	19.132.044.666	19.132.044.666
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	238.918.922	238.918.922	80.970.464	80.970.464
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	1.156.115.943	1.156.115.943	9.078.161.295	9.078.161.295
	170.177.706.456	170.177.706.456	271.898.165.253	271.898.165.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
- Thuế GTGT	3.373.391.908	3.247.633.027	6.621.024.935	-
- Thuế thu nhập cá nhân	46.480.562	262.511.790	287.390.534	21.601.818
- Các loại thuế khác				-
	3.419.872.470	3.510.144.817	6.908.415.469	21.601.818

13 Chi phí phải trả ngắn hạn (trang 23)

14 Phải trả phải nộp khác (trang 23)

15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng chi trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng chi trả
Ngắn hạn	43.756.951.196	43.756.951.196	90.009.237.939	96.187.024.011	49.934.737.268	49.934.737.268
Ngân hàng TMCP Quân đội	14.502.537.041	14.502.537.041	31.282.996.888	25.045.884.752	8.265.424.905	8.265.424.905
Ngân hàng TMCP Công thương	28.582.498.575	28.582.498.575	54.372.376.411	61.517.219.359	35.727.341.523	35.727.341.523
Ngân hàng Indovina	671.915.580	671.915.580	4.353.864.640	9.623.919.900	5.941.970.840	5.941.970.840
Dài hạn	3.372.275.000	3.372.275.000	-	599.050.000	3.971.325.000	3.971.325.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	3.372.275.000	3.372.275.000	-	599.050.000	3.971.325.000	3.971.325.000
Cộng	47.129.226.196	47.129.226.196	90.009.237.939	96.786.074.011	53.906.062.268	53.906.062.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
a) Ngắn hạn	2.634.280.235	18.230.322.866
Trích trước chi phí công trình	2.634.280.235	18.230.322.866
Cộng	2.634.280.235	18.230.322.866

14 Phải trả khác

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
<i>Ngắn hạn</i>	2.023.107.459	1.516.679.551
Kinh phí công đoàn	290.403.500	170.003.580
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	200.012.008	147.074.738
Cổ tức chưa trả	699.741.000	699.741.000
Phải trả, phải nộp khác	832.950.951	499.860.233
Cộng	2.023.107.459	1.516.679.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	2	8	4	5
- Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.080.016.072)	22.458.467.736	4.082.251.900	5.694.076.470	270.851.554.534
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	3.092.252.562	3.092.252.562
- Trích lập các quỹ	-	-	-	1.439.420.567	-	-	1.439.420.567
- Tăng khác	-	-	(9.286.546)	-	150.000.000	-	140.713.454
- Phân phối LNST	-	-	-	-	-	(144.076.470)	(144.076.470)
- Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	23.897.888.303	4.232.251.900	8.642.252.562	275.379.864.647
- Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	23.897.888.303	4.232.251.900	8.642.252.562	275.379.864.647
- Lãi tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	527.042.926	527.042.926
- Tăng khác	-	-	(4.570.790)	-	-	-	(4.570.790)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.093.873.408)	23.897.888.303	4.232.251.900	9.169.295.488	275.902.336.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

16.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

16.3. Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	<u>18.100.000</u>	<u>18.100.000</u>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

16.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	23.897.888.303	23.897.888.303
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	4.232.251.900
Cộng	<u>28.130.140.203</u>	<u>28.130.140.203</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	10.848.679.383
Doanh thu hợp đồng xây dựng	197.459.173.699	236.135.323.389
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.172.135.146	387.241.819
Cộng	<u>198.631.308.845</u>	<u>247.371.244.591</u>

2 Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	10.848.679.383
Giá vốn của hoạt động xây dựng	183.067.468.975	221.065.477.981
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.170.428.501	387.241.819
Cộng	<u>184.237.897.476</u>	<u>232.301.399.183</u>

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi	215.415.283	873.681.801
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.056.000.000	1.124.885.437
Doanh thu hoạt động tài chính khác	55.182.310	101.251
Cộng	<u>1.326.597.593</u>	<u>1.998.668.489</u>

4 Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	773.167.535	2.686.015.152
Cộng	<u>773.167.535</u>	<u>2.686.015.152</u>

5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chỉ tiêu	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	527.042.926	2.946.318.933
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(527.042.926)	(2.946.318.933)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các bên liên quan

Trong năm hoạt động, Công ty phát sinh các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch với bên liên quan</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	27.177.295.524	22.931.649.315
	Công ty con	Nhận cổ tức	906.000.000	362.400.000
Công ty Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	10.848.679.383
	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	43.303.365.418
	Công ty con	Nhận cổ tức	-	612.584.437
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.138.484.545	106.261.613.683
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.438.228.000	1.124.197.250

Số dư các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	<i>Số dư tại</i>	
			<i>Ngày 30/06/2016</i>	<i>Ngày 01/01/2016</i>
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số V.02)				
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Phải thu từ bán hàng hóa, dịch vụ	2.787.171.375	4.573.076.670
Trả trước cho người bán:				
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Trả trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	3.361.714.108	2.578.730.490
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Trả trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	197.949.200	1.780.000.000
			3.559.663.308	4.358.730.490
Phải trả người bán (Thuyết minh số V.11)				
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	Phải trả từ mua hàng hóa, dịch vụ	17.781.550.506	19.132.044.666
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Phải trả từ mua hàng hóa, dịch vụ	238.918.922	80.970.464
Công ty CP Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	Công ty con	Phải trả từ mua hàng hóa, dịch vụ	1.156.115.943	9.078.161.295
			19.176.585.371	28.291.176.425
Người mua trả tiền trước				
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con	Ứng trước tiền cung cấp hàng hóa và dịch vụ	3.000.000.000	4.177.658.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

2. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Doanh thu bán hàng thuần	149.510.850.134	-	56.510.041.020	206.020.891.154	7.389.582.309	198.631.308.845
<i>Trong đó: Doanh thu thuần từ bán hàng nội bộ</i>	<i>29.138.484.545</i>	<i>-</i>	<i>7.389.582.309</i>	<i>36.528.066.854</i>	<i>7.389.582.309</i>	<i>29.138.484.545</i>
2. Giá vốn hàng bán	139.552.430.181	-	52.075.049.604	191.627.479.785	7.389.582.309	184.237.897.476
Lợi nhuận gộp	9.958.419.953	-	4.434.991.416	14.393.411.369	-	14.393.411.369

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Thông tin so sánh


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2015 đã được soát xét và Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HOA VINH

Kế toán trưởng



LÊ HOÀI THU

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2016

Le Tông Giám đốc

LÊ HOÀNG ANH